

**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2012
VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI
Tháng 11, 11 tháng năm 2012**

A. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2012

Theo kết quả tổng hợp sơ bộ “điều tra doanh nghiệp năm 2012”, tính đến thời điểm 31/12/2011 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có 105.249 doanh nghiệp đang hoạt động, tăng 9,4% so với cùng thời điểm năm trước (tăng 9.043 doanh nghiệp). Khu vực ngoài nhà nước có 101.400 doanh nghiệp, chiếm 96,3% số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn thành phố; chiếm tỷ trọng thấp nhất là khu vực nhà nước với số lượng 506 doanh nghiệp, chiếm 0,5% .

Số lao động đang làm việc tại thời điểm 31/12/2011 của các doanh nghiệp 2.524 ngàn người, tăng 8,7% so với năm 2010; tổng doanh thu trong năm 2011 là 2.928,4 ngàn tỷ đồng, tăng 27,4%.

**Doanh nghiệp đang hoạt động
(thời điểm 31/12/2011)**

| | Số doanh nghiệp | Số lao động (ngàn người) | Doanh thu (ngàn tỷ đồng) | % so sánh với năm 2010 | | |
|---------------------------------------|-----------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|--------------|--------------|
| | | | | Doanh nghiệp | Lao động | Doanh thu |
| Tổng số | 105.249 | 2.524,6 | 2.928,4 | 109,4 | 108,7 | 127,4 |
| * Phân theo thành phần kinh tế | | | | | | |
| - Nhà nước | 506 | 203,0 | 604,0 | 111,2 | 92,4 | 114,1 |
| - Ngoài nhà nước | 101.400 | 1.766,7 | 1.900,8 | 108,2 | 108,2 | 127,9 |
| - Có vốn nước ngoài | 3.343 | 553,9 | 423,6 | 161,8 | 118,2 | 149,8 |
| * Phân theo khu vực kinh tế | | | | | | |
| - Nông lâm nghiệp | 329 | 6,3 | 3,0 | 307,5 | 166,2 | 179,2 |
| - Công nghiệp và xây dựng | 27.955 | 1.370,3 | 808,2 | 100,8 | 102,4 | 109,8 |
| - Dịch vụ | 76.965 | 1.147,0 | 2.117,2 | 112,6 | 117,2 | 135,7 |

- Khu vực nhà nước có 506 doanh nghiệp sử dụng 203 ngàn lao động. Chiếm tỷ trọng 0,5% về số doanh nghiệp và 8% lao động; doanh thu thực hiện trong năm là 604 ngàn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 20,6% (năm 2010 là 23%).

- Khu vực ngoài nhà nước (tính chung HTX và doanh nghiệp) có 101.400 doanh nghiệp với 1.766,7 ngàn lao động. Chiếm tỷ trọng 96,3% về số doanh nghiệp và 70% về lao động. Nhưng doanh thu hoạt động trong năm chỉ chiếm 64,9% trong tổng số.

- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có 3.343 doanh nghiệp với số lao động là 553,9 ngàn người. Chiếm tỷ trọng 3,2% về doanh nghiệp, 21,9% về lao động và 14,5% về doanh thu.

Số doanh nghiệp hoạt động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của thành phố chiếm tỷ trọng không đáng kể (0,3%); khu vực dịch vụ chiếm 73,1% số lượng doanh nghiệp và sử dụng 45,4% (1.147 ngàn người) số lượng lao động của doanh nghiệp toàn thành phố; 26,6% số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng và sử dụng 54,3% số lao động (1.370,3 ngàn người). Trong tổng số 202,6 lao động tăng so với năm 2010, khu vực dịch vụ chiếm 83%; vực công nghiệp xây dựng chỉ chiếm 15,8%; khu vực nông nghiệp là 1,2%.

Có 56.554 doanh nghiệp hoạt động trong 3 ngành: thương mại, khách sạn – nhà hàng và hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ, chiếm 53,7% số doanh nghiệp đang hoạt động, tăng 6.110 doanh nghiệp so với năm 2010 (chiếm 67,6% trong tổng số doanh nghiệp tăng thêm trong năm. Ngành công nghiệp sử dụng 42,7% số lao động đang làm việc và là ngành sử dụng nhiều lao động nhất của thành phố.

B. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

I. CÔNG NGHIỆP

Tốc độ phát triển sản xuất công nghiệp tháng 11 ước tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 8,1% so với tháng 11 năm 2011. **Mười một tháng tăng 4,7% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng 10 tháng 0,4 điểm phần trăm.** Trong đó công nghiệp khai khoáng giảm 33,3%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,6%.

Chỉ số phát triển công nghiệp tháng 11 của một số ngành

Đơn vị tính: %

| | So với tháng 10/2012 | 11 tháng so với cùng kỳ 2011 |
|--|-------------------------|---------------------------------|
| Tổng số | 103,6 | 104,7 |
| Phân theo ngành cấp 1 | | |
| 1. Công nghiệp khai khoáng | 83,0 | 64,7 |
| 2. Công nghiệp chế biến, chế tạo | 103,6 | 104,6 |
| 3. SX và PP điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí | 103,2 | 110,9 |
| 4. Cung cấp nước, HĐ quản lý và xử lý rác thải, nước thải | 102,0 | 114,9 |
| Một số ngành chủ yếu | 112,6 | 112,5 |
| 1. Chế biến sữa và các SP từ sữa | 112,6 | 112,5 |
| 2. Sản xuất bia và mạch nha | 101,4 | 111,6 |
| 3. Sản xuất quần áo | 108,4 | 98,7 |
| 4. Giày, dép | 101,2 | 95,5 |
| 5. In | 105,2 | 111,3 |
| 6. Sản phẩm từ plastic | 109,7 | 108,6 |
| 7. Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao | 113,9 | 95,8 |
| 8. Sản xuất sắt, thép, gang | 77,6 | 104,5 |

Trong 57 ngành sản xuất có 33 ngành tăng so cùng kỳ, trong đó có 29 ngành sản xuất tăng cao hơn mức tăng bình quân chung của ngành, mức tăng của một số ngành có tỷ trọng cao: chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa 12,5%; sản xuất bia và mạch nha 11,6%; ; sản xuất linh kiện điện tử 8,8%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 8,9%; sản xuất sản phẩm từ plastic 8,6%; sản xuất dây cáp, dây điện 12,7%; sản xuất giường tủ bàn ghế 42,9%; sản xuất và phân phối điện 10,9%.

Các ngành sản xuất giảm so cùng kỳ: sản xuất xe có động cơ (-8,2%); xi măng, vôi, thạch cao (-4,2%); sản xuất sản phẩm điện tử gia dụng (-9,1%); thuốc lá (-4,3%); giày, dép (-1,5%), trong đó có thể thấy rõ các ngành sản xuất xe, sản xuất xi măng và sản phẩm điện gia dụng là những ngành có cầu giảm rõ rệt do tác động thị trường bất động sản đóng băng, tình hình kinh tế khó khăn cộng với những thay đổi chính sách thuế phí đã ảnh hưởng đến mức cầu sản phẩm của những ngành này.

II. NÔNG LÂM NGHIỆP THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

Sản xuất vụ mùa: tổng diện tích gieo trồng đạt 14.169 ha giảm 2,2% so với vụ mùa năm trước. Lúa 10.007 ha giảm 5,6%; rau 3.132 ha xấp xỉ cùng kỳ; bắp 72 ha, tăng gấp đôi về diện tích và sản lượng.

Diện tích đậu phộng giảm 6,7%; mía trồng mới chỉ bằng 64,3%. Năng suất các loại cây trồng đều tăng so cùng kỳ.

Sơ bộ kết quả vụ mùa 2012

| | Vụ mùa 2012 | | | % so với vụ mùa 2011 | | |
|----------------|----------------|-------------------|-----------------|----------------------|-----------|-----------|
| | Diện tích (ha) | Năng suất (tạ/ha) | Sản lượng (tấn) | Diện tích | Năng suất | Sản lượng |
| Tổng số | 14.169 | | | 97,8 | | |
| Lúa | 10.007 | 36,0 | 36.110 | 94,4 | 102,5 | 96,8 |
| Bắp | 72 | 26,1 | 188 | 206,0 | 100,4 | 206,9 |
| Rau | 3.132 | 242,5 | 75.948 | 100,0 | 100,3 | 110,3 |
| Đậu phộng | 78 | 23,2 | 182 | 93,3 | 100,9 | 94,1 |
| Mía trồng mới | 230 | - | - | 64,3 | - | - |

Vụ đông xuân: lúa đã xuống giống 139 ha tại huyện Củ Chi, rau 1.387 ha tăng 2,7%.

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng: 197 ha lúa bị nhiễm rầy nâu nhẹ tại huyện Củ Chi, một số diện tích có các sinh vật gây hại khác như: ốc bươu vàng (77 ha), sâu phao (62 ha), chuột hại lúa (58 ha), bọ trĩ (29 ha),...

1.2. Chăn nuôi: theo kết quả điều tra tại thời điểm 1/10/2012, tổng đàn gia súc, gia cầm đều tăng so với cùng kỳ năm trước.

Gia súc: Tổng đàn trâu 5.395 con tăng 6% so cùng kỳ thời điểm năm trước (đàn trâu ngoại thành tăng 8,2%). Đàn bò 108,6 ngàn con, tăng 6,2% (bò sữa chiếm 76,7% tổng đàn, tăng 7,8%). Đàn heo 324,3 ngàn con, tăng 4,7%; trong đó heo thịt chiếm 83,3% (khoảng 270 ngàn con, khoảng heo rừng lai 3.289 con).

Gia cầm: tổng đàn gà hiện có 227,7 ngàn con tăng 2,4%. Trong đó gà thịt công nghiệp chiếm 89,7% tổng đàn (chủ yếu nuôi gia công cho công ty CP).

2. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ)

Sản lượng thủy sản tháng 11 đạt 4.071 tấn, giảm 9,7% so tháng trước và tăng 34,6% so cùng kỳ. Trong đó, đánh bắt 2.048 tấn tăng 20,4%; nuôi trồng 2.023 tấn tăng 52,8% so cùng kỳ (tôm: 882 tấn, tăng 10,6%; nhuyễn thể 1.121 tấn gấp 2,4 lần).

Tổng sản lượng thủy sản 11 tháng ước đạt 40.748 tấn, tăng 19,8 % so với cùng kỳ năm 2011. Trong đó, khai thác 22.430 tấn, tăng 11,3%; nuôi trồng 18.318 tấn, tăng 29% so cùng kỳ.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 12/11, đã có 816 lượt hộ thả nuôi tôm sú với 173 triệu con giống trên diện tích 3.436,1 ha; 2.482 lượt hộ thả nuôi tôm thẻ chân trắng với 1.571,6 triệu con trên diện tích 2.458,7 ha.

Dịch bệnh trên tôm: từ đầu năm đến nay đã có trên 430,8 ha (chiếm 7,3% diện tích thả nuôi) với 493 hộ nuôi, làm thiệt hại 281,7 triệu con tôm giống.

III. ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư XDCB và sửa chữa lớn trên địa bàn 11 tháng ước thực hiện 148.933,1 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 9%; so với kế hoạch năm đạt 84,5% (11 tháng năm 2011 tăng 16%, đạt 82,6% kế hoạch năm).

Vốn đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn thuộc ngân sách thành phố 11 tháng ước thực hiện 14.825,3 tỷ đồng, tăng 4,1% so với cùng kỳ và đạt 85,1% kế hoạch năm (11 tháng cùng kỳ tăng 1,4%; đạt 77,4% kế hoạch năm). Cấp thành phố 7.946,7 tỷ đồng, chiếm 53,6%, so với cùng kỳ tăng 8,3%; Cấp quận huyện 6.878,6 tỷ đồng, chiếm 46,4%, so với cùng kỳ bằng 98,9%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố

| | Ước thực hiện 11 tháng (tỷ đồng) | % thực hiện so với | |
|----------------------------|--|--------------------|---------------------|
| | | Kế hoạch | Cùng kỳ năm 2011 |
| Tổng vốn đầu tư | 14.825,3 | 85,1 | 104,1 |
| Trong đó: Vốn sửa chữa lớn | 1.108,5 | 84,1 | 74,2 |
| Cấp thành phố | 7.946,7 | 85,8 | 108,3 |
| Trong đó: Vốn sửa chữa lớn | 739,6 | 88,2 | 105,5 |
| Cấp quận huyện | 6.878,6 | 85,2 | 98,9 |
| Trong đó: Vốn sửa chữa lớn | 368,9 | 76,9 | 46,6 |

Để hoàn thành kế hoạch năm được giao, nhiều Sở ngành đang tập trung lực lượng cho thực hiện các dự án trong những tháng cuối năm, cụ thể: tháng 11 so với tháng 10 tăng 12,9%.

Nhìn chung khối lượng thực hiện 11 tháng so với cùng kỳ tăng có tốc độ tăng chậm lại (4,1%), nhưng vẫn cao hơn tốc độ tăng cùng kỳ năm trước (11 tháng năm trước tăng 1,4%). Nguyên nhân tốc độ tăng chậm lại do các dự án lớn có khối lượng đền bù giải tỏa vào giai đoạn cuối có dấu hiệu chững lại gồm các dự án sau: dự án đường cao tốc TP. HCM đi ngã ba Dầy Giây, đi qua quận 2 và quận 9; dự án đường kênh Tân Hóa tại quận 6; đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi; dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội...

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

- Dự án Tuyến vành đai Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: vào giai đoạn cuối của đền bù tiến độ rất chậm do một số hộ dân nằm rải rác trên các đoạn ở Quận Thủ Đức, Quận Gò Vấp, Quận Bình Thạnh.;

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: Hiện còn vướng một số đoạn trên địa bàn Quận 9, Quận Thủ Đức chưa giải quyết xong về giải tỏa;

- Dự án đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây: Khối lượng đền bù trên địa bàn quận 9 và quận 2 dự kiến hoàn thành trong quý 4.

2. Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân:

Tính đến ngày 31/10, toàn thành phố đã cấp 34.517 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 5.504,5 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 30.165 giấy phép, với diện tích 5.035,9 ngàn m² và 4.352 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 468,5 ngàn m².

So với cùng kỳ bằng 90,9% về giấy phép và bằng 84,1% về diện tích (giảm 1.037,4 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/11, đã có 349 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 510,1 triệu USD (vốn điều lệ 155,9 triệu USD), vốn bình quân mỗi dự án là 1,46 triệu USD.

Theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 268 dự án, vốn đầu tư 432,1 triệu USD; liên doanh 80 dự án, vốn đầu tư 77,5 triệu USD; hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư 500 ngàn USD.

Theo lĩnh vực đầu tư: hoạt động kinh doanh bất động sản 7 dự án, vốn đầu tư 117,6 triệu USD (chiếm 23%); thương mại 114 dự án, vốn đầu tư 117,5 triệu USD (chiếm 23%); công nghiệp 37 dự án, vốn đầu tư 105,6 triệu USD (chiếm 20,7%); y tế 4 dự án, vốn đầu tư 84,2 triệu USD (chiếm 16,5%); xây dựng 25 dự án, vốn đầu tư 34,3 triệu USD; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ 80 dự án, vốn đầu tư 21,7 triệu USD;...

Theo đối tác đầu tư: Singapore 60 dự án, vốn đầu tư 279,6 triệu USD (chiếm 54,8%); Nhật Bản 80 dự án, vốn đầu tư 100,6 triệu USD; Pháp 14 dự án, vốn đầu tư 23,4 triệu USD; British Virgin Island 9 dự án, vốn đầu tư 16,5 triệu USD; Malaysia 15 dự án, vốn đầu tư 14,3 triệu USD; Hồng Kông 19 dự án, vốn đầu tư 10,1 triệu USD; Hàn Quốc 37 dự án, vốn đầu tư 10 triệu USD;...

Đã có 111 dự án tăng vốn đầu tư, số vốn tăng 728,3 triệu USD; 51 dự án giải thể, rút giấy phép trước thời hạn hoặc chuyển đi tỉnh thành khác với vốn đầu tư 1,29 tỷ USD.

Tính đến ngày 15/11, tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn đạt 1.238,4 triệu USD (cùng kỳ năm trước 2.368,9 triệu USD). Số dự án còn hiệu lực hoạt động trên địa bàn thành phố là 4.465 dự án, vốn đầu tư 31,6 tỷ USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Từ 16/10 đến ngày 15/11 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp phép thành lập mới 2.208 doanh nghiệp tăng 153 doanh nghiệp so với cùng kỳ tháng trước và tăng 19 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2011.

Tính từ đầu năm đến 15/11 đã có 21.818 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 2,4% so với cùng kỳ; trong đó: 834 doanh nghiệp tư nhân, 2.808 công ty cổ phần và 18.175 công ty TNHH. Tổng vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp **176,2** ngàn tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp thành lập của khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 23,6% trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập (cùng kỳ 26,8%), tăng 1% so với cùng kỳ; khu vực dịch vụ chiếm 76,1% (cùng kỳ 72,6%), tăng 2,1%.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo báo cáo từ cơ quan Thuế, trong tháng 10 có 1.948 doanh nghiệp ngừng nghỉ hoạt động, tăng 18,4% so với tháng 9. Tổng số doanh nghiệp ngưng nghỉ 10 tháng đầu năm là 18.398 doanh nghiệp; trong đó đã khóa mã số thuế và chờ khóa mã số thuế chiếm 41,7%, không có tại địa chỉ kinh doanh chiếm 28%.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ CẢ

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn thành phố tháng 11 ước đạt 47.467 tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 13,3% so với tháng cùng kỳ.

Ước tính 11 tháng, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 485.624 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ.

Chia theo loại hình kinh tế:

- + Kinh tế nhà nước 86.980 tỷ đồng, chiếm 17,9%, tăng 3,4%.
- + Kinh tế ngoài nhà nước 383.994 tỷ đồng, chiếm 79,1%, tăng 20,5%;
- + Kinh tế có vốn nước ngoài 14.650 tỷ đồng, chiếm 3%, tăng 20,2%.

Trọng đó: các ngành hàng

- + Thương nghiệp 397.060 tỷ đồng, chiếm 81,8%, tăng 17,2%;
- + Khách sạn nhà hàng 50.504 tỷ đồng, chiếm 10,4%, tăng 13%;
- + Du lịch lữ hành 13.389 tỷ đồng, chiếm 2,8%, tăng 24,2%;

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

| | Ước thực hiện 11 tháng (tỷ đồng) | | | % so sánh 11 tháng so với cùng kỳ năm 2011 | | |
|-------------------------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|---|------------------------|------------------------|
| | Trên địa bàn | K.té trong nước | K.té có vốn ĐTNN | Trên địa bàn | K. té trong nước | K.té có vốn ĐTNN |
| Tổng mức | 485.624 | 472.490 | 13.134 | 117,0 | 116,9 | 120,8 |
| Tr.đó: Thương nghiệp | 397.060 | 394.246 | 2.814 | 117,2 | 117,1 | 129,4 |
| Khách sạn | 6.988 | 3.759 | 3.228 | 103,1 | 103,5 | 102,7 |
| Nhà hàng | 43.517 | 42.341 | 1.175 | 114,8 | 114,5 | 127,1 |
| Dịch vụ du lịch lữ hành | 13.389 | 12.501 | 887 | 124,2 | 124,0 | 127,7 |

Loại trừ yếu tố biến động giá, lượng hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước.

Để chuẩn bị cho mùa tiêu dùng Tết thành phố đã có kế hoạch dự trữ hàng hóa với mục đích đảm bảo đầy đủ nhu cầu thiết yếu của dân cư và hạn chế tối đa sự tăng đột biến về giá trên thị trường thành phố.

Riêng hệ thống Saigon Co.op dự kiến cung ứng và dự trữ 3 tháng trước, trong và sau tết khoảng 38.000 tấn (bao gồm cả những mặt hàng không tham gia bình ổn), với tổng vốn lên tới 3.462 tỷ đồng (riêng vốn bình ổn thị trường là hơn 1.132 tỷ đồng), tăng gấp 4 lần so với tháng thường và 25% so với cùng kỳ năm trước. Cty TNHH Ba Huân đảm bảo cung ứng 30% nhu cầu tiêu dùng Tết với 156 tỷ đồng hàng dự trữ. Vissan đã có kế hoạch cụ thể cho lượng hàng hóa dự trữ với trị giá 1.010 tỷ đồng.

Khối lượng 9 mặt hàng giao cho các đơn vị tham gia bình ổn: gạo 7.070 tấn, dầu ăn 3.065 tấn, thịt gia súc gia cầm các loại 17,8 ngàn tấn, trứng gia cầm 82 triệu quả, thực phẩm chế biến 4.535 tấn, thủy hải sản 1.379 tấn, rau củ quả 6.080 tấn ...

Trong tháng cuối năm, thành phố dự kiến sẽ mở thêm khoảng 200 điểm bán hàng bình ổn trong đó có 5 siêu thị và 50 cửa hàng tiện ích tập trung vào các quận, huyện vùng ven, các khu đông dân cư ngoại thành, khu chế xuất, khu công nghiệp và chợ truyền thống.

* **Tình hình du lịch:** Kết quả kinh doanh du lịch (bao gồm doanh thu khách sạn và dịch vụ du lịch lữ hành) 11 tháng ước đạt 20.376 tỷ đồng, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó doanh thu khách sạn 3,1%, dịch vụ du lịch lữ hành tăng 24,2%.

2. Giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 tăng 0,1% so với tháng trước, 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có mức giá tăng, trong đó 5 nhóm mức giá tăng cao hơn mức bình quân chung là: “may mặc, mũ nón, giày dép” (+0,71%), “thiết bị đồ dùng gia đình” (+0,6%), “nhà ở, điện nước, chất đốt” (+0,42%), “văn hóa, thể thao và du lịch”

(0,54%), “thuốc và dịch vụ y tế” (+0,13%). Hai nhóm hàng có mức giảm giá: “hàng ăn và dịch vụ ăn uống” (giảm 0,18%, do nhóm mặt hàng thực phẩm giảm 0,5%) và “hàng hóa và dịch vụ khác” (giảm 0,1%).

Biến động của một số nhóm mặt hàng chính trong tháng:

Thịt heo (-2,07%), thịt bò (-0,25%), thịt gia cầm (-0,46%), thịt chế biến (-0,38%), trứng gia cầm (+0,79%), thủy sản tươi sống (-0,65%), thủy sản sản chế biến (+0,44%), nước mắm nước chấm (+0,46%), bơ sữa phomat (+0,66%), chè cà phê (+0,98%), rau các loại (-1,61%), quần áo may sẵn (+0,88%); giày dép các loại (+0,32%)

Chỉ số giá tháng 11

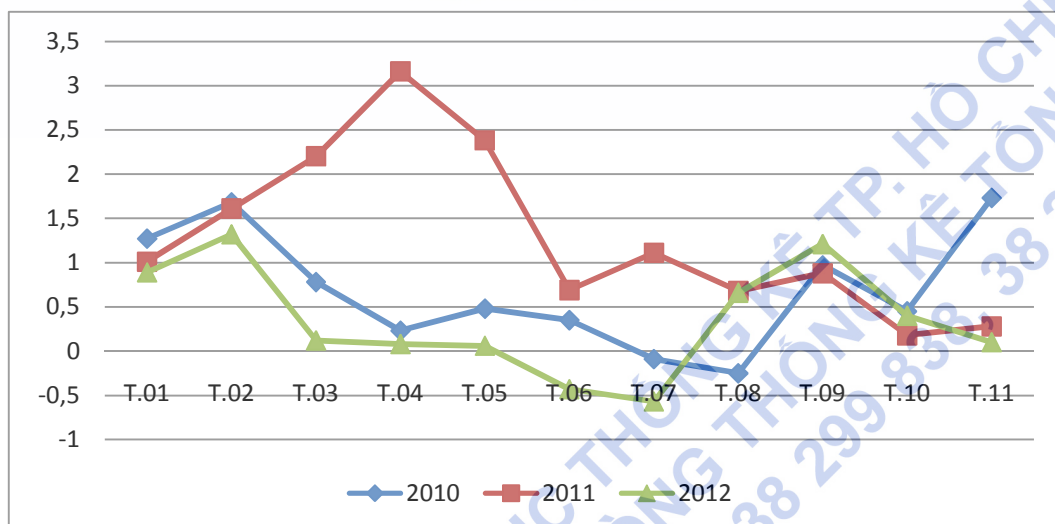
| | Tháng 11 so với tháng cùng kỳ năm trước | | Tháng 11 so với tháng 12 năm trước | |
|--------------------------------|---|---------------|------------------------------------|---------------|
| | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2011 | Năm 2012 |
| 1. Chỉ số giá tiêu dùng | 116,88 | 104,66 | 115,02 | 103,90 |
| Trong đó: Lương thực | 123,52 | 100,51 | 118,14 | 98,98 |
| Thực phẩm | 122,72 | 102,44 | 120,15 | 100,77 |
| 2. Chỉ số giá vàng | 132,70 | 103,49 | 126,38 | 103,42 |
| 3. Chỉ số giá USD | 114,24 | 97,19 | 110,75 | 98,26 |

So với tháng 11/2011 chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,66%; khu vực thành thị tăng 4,91%, khu vực nông thôn tăng 2,65%.

So với tháng 12/2011, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,9%, chỉ bằng 26% mức tăng của cùng kỳ năm trước.

Để đảm bảo mức giá tiêu dùng trong tháng cuối năm và đầu năm 2013 không tăng đột biến do nhu cầu tiêu thụ Lễ Tết, Lãnh đạo UBND thành phố đã chỉ đạo các ngành chức năng giám sát chặt chẽ nguồn hàng bình ổn và các điểm bán hàng bình ổn được phủ rộng khắp trên địa bàn thành phố đặc biệt là các khu tập trung đông dân cư, khu công nghiệp và có điểm bán lưu động tại vùng sâu vùng xa.

Tốc độ tăng giá so với tháng trước của 3 năm 2011-2011-2012



Giá vàng tháng 11 giảm 1,63% so với tháng 11, tăng 3,49% so với tháng 11/2011. Giá USD giảm 0,03% so với tháng trước, giảm 2,81% so với tháng 11/2011.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng năm 2011 so với cùng kỳ năm trước tăng 8,08% (cùng kỳ tăng 15,14%). Tăng cao hơn mức bình quân chung có 4 nhóm “hàng ăn và dịch vụ ăn uống” (+11,25%), “hàng hóa và dịch vụ khác” (+9,21%), “giao thông” (+8,97%), “giáo dục” (+8,46%).

V. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố 11 tháng (không tính dầu thô) đạt 43.386,6 triệu USD; khu vực kinh tế trong nước chiếm 65,6%, giảm 6%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 34,4%, tăng 10,8%.

1. Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu tháng 11 ước thực hiện 2.812 triệu USD, tăng 7,2% so với tháng trước; tăng 12,3% so cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 9,7%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,1%. **Nếu không tính giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.985 triệu USD, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 9,7% so cùng kỳ.**

Ước tính 11 tháng đầu năm, tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 27.097,7 triệu USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước. Kinh tế nhà nước 12.097,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 44,6%, tăng 11,6% (tăng 1.252,2 triệu USD); kinh tế có nước ngoài 7.967,6 triệu USD, chiếm 29,4%, tăng 15,2%; kinh tế ngoài nhà nước 7.032,5 triệu USD, chiếm 26%, giảm 11,7%.

Loại trừ trị giá dầu thô, tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt 19.316,8 triệu USD, tăng 1,8% so cùng kỳ; Và loại trừ thêm trị giá vàng, tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu là 17.305,4 triệu USD, tăng 13,1%.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế Không tính dầu thô

| | Kim ngạch (Triệu USD) | | % so sánh | |
|---------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|------------------------------|
| | Tháng 11 | 11 tháng | Tháng 11 với tháng 10 | 11 tháng với cùng kỳ 2011 |
| Tổng số | 1.985,0 | 19.316,8 | 101,2 | 101,8 |
| Kinh tế Nhà nước | 505,6 | 4.316,6 | 101,8 | 105,5 |
| Kinh tế tập thể | 3,3 | 29,8 | 100,9 | 110,2 |
| Kinh tế tư nhân | 690,7 | 7.002,8 | 100,9 | 88,3 |
| Kinh tế có vốn nước ngoài | 785,4 | 7.967,6 | 101,1 | 115,2 |

Ước tính một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của khu vực kinh tế trong nước trong 11 tháng và so sánh với cùng kỳ năm trước:

+ Gạo 2.422,8 ngàn tấn, trị giá 1.103,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 9,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu (không kể giá trị dầu thô), giảm 9,2% về lượng và giảm 14,9% về trị giá (giá bình quân 11 tháng giảm 6,3%).

+ Thủy sản 408,6 triệu USD, tăng 8,6%, chiếm tỷ trọng 3,6% tổng kim ngạch xuất khẩu (không kể dầu thô). Hiện nay các doanh nghiệp thủy sản gặp khó khăn về nguồn vốn, nguồn nguyên liệu chế biến, chi phí đầu vào tăng đồng thời với sự khó khăn về kiểm duyệt về vệ sinh an toàn thực phẩm đã làm giảm khả năng cạnh tranh của mặt hàng này trên thị trường.

+ Sữa 153,1 triệu USD, tăng 28%;

+ Hàng may mặc 2.215,5 triệu USD, chiếm 19,5% tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô và tăng 10,2%. Hiện nay các doanh nghiệp lớn có thương hiệu đã có đủ đơn hàng sản xuất cho đến quý 1 năm 2013.

+ Hàng giày dép 593,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,2%, tăng 9,2%;

+ Dầu thô 7.780,9 triệu USD, tăng 15,2% (lượng tăng 14,3%, giá bình quân tăng 0,8%).

2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 11 ước thực hiện 2.029,4 triệu USD, tăng 0,7% so tháng trước và giảm 23,2% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Ước tính 11 tháng, tổng trị giá hàng nhập khẩu đạt 24.069,9 triệu USD, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

| | Kim ngạch (Triệu USD) | | % so sánh | |
|------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|------------------------------|
| | Tháng 11 | 11 tháng | Tháng 11 với tháng 10 | 11 tháng với cùng kỳ 2011 |
| Tổng số | 2.029,4 | 24.069,9 | 100,7 | 97,1 |
| Kinh tế Nhà nước | 525,4 | 6.618,0 | 100,4 | 94,4 |
| Kinh tế tập thể | 0,4 | 7,4 | 100,8 | 97,3 |
| Kinh tế tư nhân | 834,5 | 10.479,3 | 100,8 | 93,5 |
| K.tế có vốn nước ngoài | 669,1 | 6.965,1 | 100,9 | 106,1 |

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 11 tháng của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

+ Sữa và sản phẩm sữa: 671,7 triệu USD, tăng 52,3%;

+ Nhiên liệu 1.240,7 triệu USD, giảm 23,5% (lượng giảm 25,6%, giá bình quân tăng 2,9%);

+ Nguyên phụ liệu may 941,3 triệu USD, tăng 8%;

+ Phụ liệu giày dép 194,6 triệu USD, tăng 8,1%;

+ Sắt thép 202,2 triệu USD, giảm 3,9%;

+ Tân dược 896,2 triệu USD, giảm 1,1%;

+ Dầu mỡ động thực vật 155,4 triệu USD, giảm 4,2%;

+ Chất dẻo 237,5 triệu USD, tăng 18%;

VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 11 ước đạt 4.623,1 tỷ đồng, tăng 6,3% so với tháng trước và tăng 33,3% so với tháng cùng kỳ năm trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 42.382,8 tỷ đồng, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước chiếm 14,7%, tăng 2%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 11 tháng

| | Doanh thu (tỷ đồng) | | % so sánh 11 tháng với cùng kỳ 2011 | |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------|--|--------------|
| | Hàng hóa | Hành khách | Hàng hóa | Hành khách |
| Tổng số | 28.242,6 | 14.140,2 | 127,6 | 136,6 |
| <i>*Phân theo khu vực kinh tế</i> | | | | |
| Kinh tế nhà nước | 5.236,6 | 995,7 | 99,7 | 115,7 |
| Kinh tế ngoài nhà nước | 22.774,7 | 10.581,5 | 136,4 | 151,3 |
| Kinh tế có vốn nước ngoài | 231,3 | 2.563,0 | 121,6 | 102,5 |
| <i>*Phân theo phương tiện vận tải</i> | | | | |
| Đường bộ | 15.068,5 | 11.808,5 | 136,7 | 147,0 |
| Đường sông | 2.659,4 | 217,0 | 134,1 | 133,4 |
| Đường biển | 10.441,9 | | 115,3 | |
| Đường hàng không | 72,8 | 2.114,6 | 97,9 | 98,0 |

- Doanh thu vận tải hàng hóa tháng 11 ước đạt 3.163,8 tỷ đồng, tăng 6,2% so với tháng trước và tăng 31,5% so với cùng kỳ. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 28.242,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 68,1% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 27,6% so với cùng kỳ; doanh thu đường bộ chiếm tỷ trọng 49,8% trong tổng doanh thu vận chuyển hàng hóa, tăng 36,7%; doanh thu vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 40,9%, tăng 15,3%.

- Doanh thu vận tải hành khách tháng 11 ước đạt 1.459,4 tỷ đồng, tăng 6,6% so với tháng trước và tăng 37,3% so với cùng kỳ. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 14.140,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33,4% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 36,6% so với cùng kỳ năm trước; trong đó doanh thu vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng 83,5% trong tổng doanh thu vận tải hành khách, tăng 47% so với cùng kỳ; kể đến là vận tải hàng không chiếm 15%, giảm 2%.

2. Hàng hóa qua cảng:

Tổng lượng hàng hoá hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 11 ước thực hiện 5.882,6 ngàn tấn, tăng 0,8% so tháng trước và tăng 16,4% so với cùng kỳ. Trong đó hàng hoá qua cảng biển chiếm 96,4%, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hàng hoá thông qua cảng

| | Ước thực hiện (ngàn tấn) | | % so sánh | |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------|-------------------------|-----------------------------|
| | Tháng 11 | 11 tháng | Tháng 11 so tháng 10 | 11 tháng so cùng kỳ 2011 |
| Tổng số | 5.882,6 | 61.660,4 | 100,8 | 111,2 |
| <i>* Phân theo loại cảng</i> | | | | |
| Cảng biển | 5.598,9 | 59.419,5 | 100,8 | 111,9 |
| Cảng sông | 283,7 | 2.241,0 | 101,0 | 96,0 |
| <i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i> | | | | |
| Hàng xuất khẩu | 2.237,0 | 23.656,0 | 100,5 | 118,1 |
| Hàng nhập khẩu | 2.579,7 | 27.206,6 | 100,7 | 108,3 |
| Hàng nội địa | 1.065,9 | 10.797,8 | 101,6 | 135,9 |

Ước tính 11 tháng khối lượng hàng hóa qua cảng đạt 61.660,4 ngàn tấn, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó hàng hoá xuất khẩu 23.656 ngàn tấn, chiếm 38,4%, tăng 18,1%; hàng nhập khẩu 27.206,6 ngàn tấn, chiếm 44,1%, tăng 8,3%; hàng nội địa 10.797,8 ngàn tấn, tăng 35,9%.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 11 tháng ước thực hiện 191.492,7 tỷ đồng, đạt 83,2% dự toán, tăng 5% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 98.873,4 tỷ đồng, đạt 80,2% dự toán, tăng 3,6%; thu từ dầu thô đạt 29.504,2 tỷ đồng, vượt dự toán 18%, tăng 20,2% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 60.000 tỷ đồng, đạt 76% dự toán, giảm 2,8% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

| | Năm 2012 (Tỷ đồng) | | % thực hiện 11 tháng năm 2012 so với | |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------------|---|---------------------|
| | Dự toán | Ước TH 11 tháng | Dự toán | Cùng kỳ năm 2011 |
| Tổng thu | 233.682 | 191.492,7 | 83,2 | 105,0 |
| Tổng thu cân đối ngân sách NN | 227.200 | 188.377,5 | 82,9 | 103,7 |
| I- Thu nội địa | 123.300 | 98.873,4 | 80,2 | 103,6 |
| Trong đó: | | | | |
| 1. Doanh nghiệp nhà nước | 26.800 | 21.015 | 78,4 | 102,3 |
| 2. Khu vực ngoài nhà nước | 33.700 | 25.366 | 75,3 | 109,5 |
| 3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 31.000 | 22.993,3 | 74,2 | 113,4 |
| II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu | 78.900 | 60.000 | 76,0 | 97,2 |
| III- Thu từ dầu thô | 25.000 | 29.504,2 | 118,0 | 120,2 |

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 11 tháng ước đạt 21.015 tỷ đồng, chiếm 21,3% tổng thu nội địa, tăng 2,3% so cùng kỳ (*Nhà nước trung ương đạt 11.662,4 tỷ đồng, tăng 0,5%; Nhà nước địa phương đạt 9.352,6 tỷ đồng, tăng 4,6%*). Thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 25.366 tỷ đồng, chiếm 25,7% thu nội địa, tăng 9,5%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 22.993,3 tỷ đồng, chiếm 23,3% thu nội địa, tăng 13,4%. Các khoản thu khác đạt 29.499,1 tỷ đồng, giảm 6,2% so cùng kỳ. Trong đó: thuế thu nhập cá nhân đạt 15.481,3 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ, thu tiền sử dụng đất đạt 5.275,6 tỷ đồng, giảm 40,2%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 11 tháng ước đạt 51.599,9 tỷ đồng, vượt 20,5% dự toán, tăng 3,1% so cùng kỳ năm 2011.

Chi ngân sách địa phương

| | Năm 2012 (Tỷ đồng) | | % thực hiện 11 tháng năm 2012 so với 2011 | |
|---------------------------------|-----------------------|--------------------|--|------------|
| | Dự toán | Ước TH 11 tháng | Dự toán | Cùng kỳ |
| Tổng chi (trừ tạm ứng) | 42.810 | 42.332,8 | 98,9 | 115 |
| Trong đó: | | | | |
| I- Chi đầu tư phát triển | 11.400 | 18.026,5 | 158,1 | 92,7 |
| Trong đó: trả lãi và vốn vay | 1.162 | 615,6 | 53 | 18,9 |
| II- Chi thường xuyên | 23.800 | 19.448,6 | 81,7 | 126,6 |
| Trong đó: | | | | |
| Sự nghiệp kinh tế | 3.836 | 3.000,5 | 78,2 | 158,8 |
| Sự nghiệp giáo dục đào tạo | 6.441 | 5.247,8 | 81,5 | 133 |
| Sự nghiệp y tế | 2.519 | 2.076,8 | 82,4 | 105,1 |
| Quản lý hành chính | 3.259 | 2.910,5 | 89,3 | 132,3 |

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 11 tháng ước thực hiện 42.332,8 tỷ đồng, đạt 98,9% dự toán, tăng 15% so cùng kỳ. Chi đầu tư phát triển⁽¹⁾ ước thực hiện 18.026,5 tỷ đồng, vượt 58,1% dự toán, giảm 7,3% so cùng kỳ, trong đó chi trả lãi và vốn vay đạt 53% dự toán. Chi thường xuyên đạt 19.448,6 tỷ đồng, tăng 26,6% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 3.000,5 tỷ đồng, tăng 58,8%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 5.247,8 tỷ đồng, tăng 33%; chi sự nghiệp y tế 2.076,8 tỷ đồng, tăng 5,1%; chi quản lý hành chính 2.910,5, tăng 32,3%; chi đảm bảo xã hội 1.041 tỷ đồng, tăng 25,6%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học 224 tỷ đồng, tăng 54,4%.

Tổng chi ngân sách địa phương bao gồm tạm ứng 11 tháng ước đạt 55.822,1 tỷ đồng, tăng 11,3% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

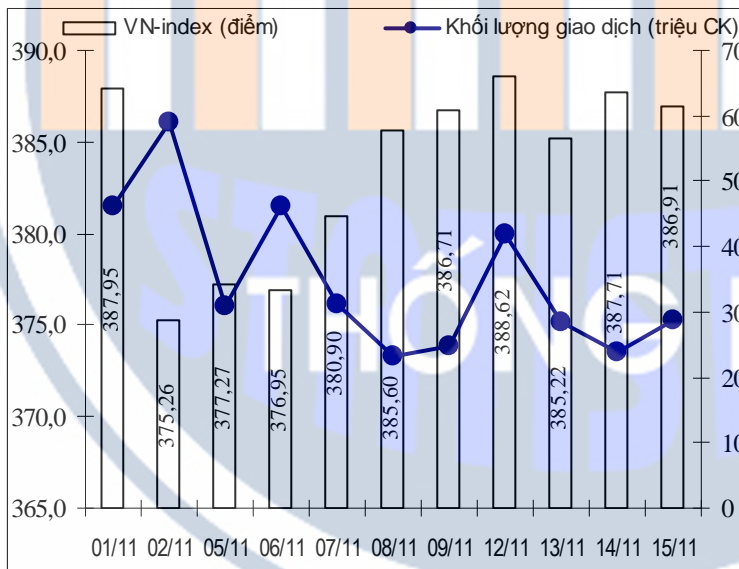
- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 11 ước 965 ngàn tỷ đồng, tăng 0,9% so tháng trước, tăng 11,4% so cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 54,6% tổng vốn huy động, tăng 4,8% so cùng kỳ.

¹ Nếu không tính chuyển nguồn số dư tạm ứng vốn đầu tư, vốn đầu tư phát triển 11 tháng là 12.414,6 tỷ đồng, vượt 21,3% dự toán, tăng 16% so cùng kỳ.

Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 20%, giảm 8,9% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 80% tổng vốn huy động, tăng 18% so cùng kỳ, tiền gửi tiết kiệm VNĐ chiếm 42,6%, tăng 30,9% so cùng kỳ, tiết kiệm bằng ngoại tệ chiếm 5,2% giảm 15,5% so cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 11 ước 797,6 ngàn tỷ đồng, tăng 0,7% so tháng trước, tăng 8,1% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần 397,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 49,8% tổng dư nợ, tăng 7,5% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ 200,1 ngàn tỷ đồng, chiếm 25,1% tổng dư nợ, giảm 6,5% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ chiếm 74,9% tổng dư nợ, tăng 14% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 42,6%, giảm 3,9%. Dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 19,1% so cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán: Tính đến ngày 15/11 tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 311 gồm 305 cổ phiếu và 6 chứng chỉ quỹ, tăng 1 cổ phiếu so tháng trước (Mã cổ phiếu CLP của công ty cổ phần thủy sản Cửu Long chính



thức giao dịch ngày 15/11/2012). Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường 324.458 tỷ đồng, tăng 22,6% so với đầu năm, trong đó: cổ phiếu 252.789 tỷ đồng, chiếm 77,9%; trái phiếu 68.669 tỷ đồng, chiếm 21,2%; chứng chỉ quỹ 3.001 tỷ đồng, chiếm 0,9%. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 634.808 tỷ đồng, tăng 39,5% so đầu năm. VN-

Index tại thời điểm báo cáo đạt 386,91 điểm, tăng 10,1% so đầu năm, tương ứng tăng 35,36 điểm.

- Khối lượng giao dịch của 15 ngày đầu tháng 11 đạt 384,8 triệu chứng khoán, giảm 2,7% so tháng 10, bình quân mỗi phiên có 35,0 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 460,9 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 380,0 triệu cổ phiếu, giảm 2,0% so tháng trước; khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 301,5 triệu chứng khoán, giảm 12,2% so tháng trước; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 83,3 triệu chứng khoán, tăng 60,2% so tháng trước. Lũy kế từ đầu năm khối lượng giao dịch đạt 12.726,6 triệu chứng khoán, tăng 80,0% so cùng kỳ. Trong đó khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 12.210,8 triệu cổ phiếu, tăng 74,7% so cùng kỳ; khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 10.572,6 triệu chứng khoán, tăng 83,7%.

- Giá trị giao dịch của 15 ngày đầu tháng 11 đạt 5.069,7 tỷ đồng, giảm 6,3% so tháng trước. Trong đó: giá trị giao dịch của các cổ phiếu đạt 5.001,2 tỷ đồng, chiếm

98,6% tổng giá trị giao dịch, giảm 6,0% so tháng trước; giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3.541,4 tỷ đồng, chiếm 69,9% tổng giá trị giao dịch, giảm 16,7% so tháng trước. Lũy kế từ đầu năm tổng giá trị giao dịch đạt 199.188,8 tỷ đồng, tăng 41,3% so cùng kỳ. Trong đó giá trị giao dịch cổ phiếu đạt 190.306,9 tỷ đồng, tăng 36,9% so cùng kỳ; giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 150.184,9 tỷ đồng, tăng 40,4% so cùng kỳ.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

| | Kết quả giao dịch | | % so sánh | |
|---|-------------------|---------------------|----------------------|---------------------|
| | 15 ngày tháng 11 | Lũy kế đến tháng 11 | Tháng 11 so tháng 10 | 11 tháng so cùng kỳ |
| Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK) | 384,8 | 12.726,6 | 97,3 | 180,0 |
| <i>Chia theo loại chứng khoán:</i> | | | | |
| Cổ phiếu | 380,0 | 12.210,8 | 98,0 | 174,7 |
| Trái phiếu | 0,7 | 22,5 | - | 155,3 |
| Chứng chỉ quỹ | 4,1 | 493,3 | 54,5 | 712,4 |
| <i>Chia theo hình thức giao dịch:</i> | | | | |
| Giao dịch khớp lệnh | 301,5 | 10.572,6 | 87,8 | 183,7 |
| Giao dịch thỏa thuận | 83,3 | 2.154,0 | 160,2 | 163,4 |
| Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng) | 5.069,7 | 199.188,8 | 93,7 | 141,3 |
| <i>Chia theo loại chứng khoán:</i> | | | | |
| Cổ phiếu | 5.001,2 | 190.306,9 | 94,0 | 136,9 |
| Trái phiếu | 42,0 | 2.059,3 | - | 152,8 |
| Chứng chỉ quỹ | 26,5 | 6.822,6 | 29,5 | 1.190,4 |
| <i>Chia theo hình thức giao dịch:</i> | | | | |
| Giao dịch khớp lệnh | 3.541,4 | 150.184,9 | 83,3 | 140,4 |
| Giao dịch thỏa thuận | 1.528,3 | 49.003,9 | 131,9 | 144,4 |

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Y tế

- **Bệnh sốt xuất huyết:** trong tháng 10 có 1.134 ca, giảm 15,6% so với cùng kỳ năm 2011 và tăng 14% so với tháng trước. Trong 10 tháng đầu năm có 9.366 ca, giảm 5,8% so với 11 tháng năm 2011. Có 7 trường hợp tử vong, số ca mắc bệnh vẫn tập trung ở một số quận/huyện như Quận 8, Tân Bình, Bình Tân, Tân Phú...

- **Bệnh tay chân miệng:** trong tháng 10 số ca nhiễm bệnh là 1.251 ca, giảm 77,7% so với tháng 9 và giảm 42,9% so với tháng cùng kỳ 2011 (giảm 537 ca). Trong 10 tháng đầu năm đã có 11.601 ca mắc, tăng 5,5% cùng kỳ năm trước và đã có 6 trường hợp tử vong (cùng kỳ năm 2011 có 30 ca tử vong). Bệnh xuất hiện ở tất cả các quận/huyện trên địa bàn thành phố, nhiều nhất vẫn là các quận/huyện vùng ven quận 8 (990 ca), huyện Bình Chánh (1.022 ca), quận Bình Tân (1.075 ca),... Thành phố đã đề nghị các quận, huyện phải tăng cường tuyên truyền, xử lý triệt để các ca bệnh và ổ dịch đồng thời phải tiếp tục và thường xuyên kiểm tra giám sát chặt các trường mầm non có xuất hiện bệnh.

2. Vệ sinh an toàn thực phẩm:

Trong tháng 10 đã xảy ra 1 vụ ngộ độc thực phẩm với 73 người mắc, nâng số vụ ngộ độc thực phẩm từ đầu năm trên địa bàn thành phố lên 5 vụ, với 582 người mắc (giảm 29,4% so cùng kỳ). Việc kiểm tra công tác an toàn vệ sinh thực phẩm tại các bếp ăn tập thể trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, các cửa hàng ăn uống trong toàn thành phố được ngành y tế tiến hành thường xuyên. Và ngành cũng đã tổ chức mở lớp tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

3. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/9 đến ngày 15/10)

- **Vi phạm kinh tế:** phát hiện và xử lý 63 trường hợp vi phạm, xử lý hành chính và thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 1,8 tỷ đồng.

- **Phạm pháp hình sự:** đã xảy ra 391 vụ, giảm 133 vụ (giảm 25.4%) so với tháng 10/2011 và tăng 10 vụ so tháng trước; làm chết 09 người, bị thương 50 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 7,5 tỷ đồng. Số vụ phạm pháp đã được điều tra khám phá là 262 vụ, bắt 319 người vi phạm.

- Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

* **Ma túy:** trong tháng đã phát hiện 109 vụ mua bán – tàng trữ ma túy và 37 vụ sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 95 vụ với 116 người vi phạm; xử lý hành chính 51 vụ với 145 người vi phạm. Lập hồ sơ tập trung 180 người nghiện vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã.

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 02 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, lập hồ sơ xử lý 09 người tổ chức môi giới và gái mại dâm. Chuyển cho ngành thương binh xã hội cải tạo tập trung 03 gái mại dâm, 66 đối tượng lang thang, xin ăn, 153 đối tượng nghiện ma túy. Kiểm tra lập biên bản 224 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

* **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 32 vụ tổ chức cờ bạc với 129 người tham gia, thu giữ trên 68 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Trong tháng, đã xảy ra 75 vụ tai nạn giao thông đường bộ, so với tháng trước giảm 2 vụ, so với cùng kỳ giảm 19 vụ; làm chết 64 người, bị thương 31 người, làm hư hỏng 822 xe các loại.

Đã lập biên bản hành chính 81,8 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 6.101 xe các loại, thu hồi 9.977 giấy phép lái xe,... chuyển kho bạc nhà nước trên 25,3 tỷ đồng tiền phạt.

- **Về tình hình cháy, nổ :** Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 3 vụ cháy, giảm 6 vụ so với tháng trước, không có thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản không đáng kể. Nguyên nhân cháy chủ yếu là do chập điện.

4. Giải quyết việc làm:

Trong tháng 11, thành phố đã giải quyết việc làm cho 27,9 ngàn lao động. Trong đó lao động có việc làm ổn định là 21,5 ngàn người. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 8,2 ngàn chỗ .

Từ đầu năm đến nay đã giải quyết việc làm cho 266 ngàn lao động, vượt 0,4% kế hoạch năm. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 188,6 ngàn người, chiếm tỉ lệ 70,9% so với tổng số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 101,5 ngàn chỗ làm, đạt 81,2% kế hoạch năm.

Tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp: nghiệp tại Trung tâm Giới thiệu việc làm thành phố từ ngày 13/10 đến ngày 09/11 đã có 8,1 ngàn người lao động đăng ký thất nghiệp đồng thời đã giải quyết 9,6 ngàn người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp với số tiền là 100,1 tỷ đồng; trong đó số người đề nghị chuyển trợ cấp đến các tỉnh khác là 1,4 ngàn người, số người từ nơi khác chuyển đến thành phố hưởng trợ cấp là 435 người. Trong thời gian trên cũng đã chấm dứt hưởng trợ cấp là 12,3 ngàn người..

Trên đây là tình hình kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2012.

STATISTICS
THỐNG KÊ

CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733